

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /CTBGI-TTHT
V/v ưu đãi thuế TNDN đối với sản phẩm
công nghiệp hỗ trợ

Bắc Giang, ngày tháng năm

Kính gửi: Công ty TNHH Blueway Vina;
Địa chỉ: Lô CN-17 khu công nghiệp Vân Trung, phường Vân Trung, thị xã Việt
Yên, tỉnh Bắc Giang; Mã số thuế: 2400602700.

Ngày 18/3/2024, Cục Thuế tỉnh Bắc Giang nhận Công văn số 160324/BW-CV ngày 16/3/2024 của Công ty TNHH Blueway Vina (Sau đây gọi tắt là Công ty) về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) đối với sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. Về vấn đề này, Cục Thuế tỉnh Bắc Giang có ý kiến như sau:

Căn cứ Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế TNDN.

- Tại khoản 2 Điều 18 hướng dẫn điều kiện áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp:

“2. Trong thời gian đang được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp nếu doanh nghiệp thực hiện nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh thì doanh nghiệp phải tính riêng thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (bao gồm mức thuế suất ưu đãi, mức miễn thuế, giảm thuế) và thu nhập từ hoạt động kinh doanh không được hưởng ưu đãi thuế để kê khai nộp thuế riêng.

Trường hợp trong kỳ tính thuế, doanh nghiệp không tính riêng thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế và thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh không được hưởng ưu đãi thuế thì phần thu nhập của hoạt động sản xuất kinh doanh ưu đãi thuế xác định bằng (=) tổng thu nhập tính thuế nhân (x) với tỷ lệ phần trăm (%) doanh thu hoặc chi phí được trừ của hoạt động sản xuất kinh doanh ưu đãi thuế so với tổng doanh thu hoặc tổng chi phí được trừ của doanh nghiệp trong kỳ tính thuế.

Trường hợp có khoản doanh thu hoặc chi phí được trừ không thể hạch toán riêng được thì khoản doanh thu hoặc chi phí được trừ đó xác định theo tỷ lệ giữa doanh thu hoặc chi phí được trừ của hoạt động sản xuất, kinh doanh hưởng ưu đãi thuế trên tổng doanh thu hoặc chi phí được trừ của doanh nghiệp.”

- Tại khoản 6 Điều 18 (đã được sửa đổi bởi khoản 4 Điều 10 Thông tư số 96/2015/TT-BTC) hướng dẫn điều kiện áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh

nghiệp:

“6. Về đầu tư mở rộng

a) Doanh nghiệp có dự án đầu tư phát triển dự án đầu tư đang hoạt động như mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao công suất, đổi mới công nghệ sản xuất (gọi chung là dự án đầu tư mở rộng) thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Nghị định số 218/2013/NĐ-CP (bao gồm cả khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp trừ khu công nghiệp nằm trên địa bàn các quận nội thành của đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I trực thuộc trung ương và Khu công nghiệp nằm trên địa bàn các đô thị loại I trực thuộc tỉnh) nếu đáp ứng một trong ba tiêu chí quy định tại điểm này thì được lựa chọn hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo dự án đang hoạt động cho thời gian còn lại (bao gồm mức thuế suất, thời gian miễn giảm nếu có) hoặc được áp dụng thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng mang lại (không được hưởng mức thuế suất ưu đãi) bằng với thời gian miễn thuế, giảm thuế áp dụng đối với dự án đầu tư mới trên cùng địa bàn hoặc lĩnh vực ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp chọn hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo dự án đang hoạt động cho thời gian còn lại thì dự án đầu tư mở rộng đó phải thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Nghị định số 218/2013/NĐ-CP đồng thời cũng thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn với dự án đang hoạt động...”

- Tại khoản 1 Điều 19 (đã được sửa đổi bởi khoản 1 Điều 11 Thông tư số 96/2015/TT-BTC) hướng dẫn về thuế suất ưu đãi:

“1. Thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) áp dụng đối với:

...g) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho công nghệ cao theo quy định của Luật công nghệ cao;

- Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho sản xuất sản phẩm các ngành: dệt - may; da - giày; điện tử - tin học; sản xuất lắp ráp ô tô; cơ khí chế tạo mà các sản phẩm này tính đến ngày 01/01/2015 trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất được nhưng phải đáp ứng được tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh Châu Âu (EU) hoặc tương đương.”

- Tại điểm a khoản 1 Điều 20 (đã được sửa đổi bởi khoản 1 Điều 12 Thông tư số 96/2015/TT-BTC) hướng dẫn về ưu đãi về thời gian miễn thuế, giảm thuế:

“1. Miễn thuế bốn năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm tiếp theo đối với:

a) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 11 Thông tư này).”

- Tại khoản 4 Điều 20 (đã được sửa đổi bởi khoản 2 Điều 12 Thông tư số 96/2015/TT-BTC) hướng dẫn về ưu đãi về thời gian miễn thuế, giảm thuế:

“4. Thời gian miễn thuế, giảm thuế quy định tại Điều này được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế. Trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư mới thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư dự án đầu tư mới phát sinh doanh thu...”

- Tại Điều 22 quy định thủ tục thực hiện ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp:

“Doanh nghiệp tự xác định các điều kiện ưu đãi thuế, mức thuế suất ưu đãi, thời gian miễn thuế, giảm thuế, số lỗ được trừ (-) vào thu nhập tính thuế để tự kê khai và tự quyết toán thuế với cơ quan thuế.

Cơ quan thuế khi kiểm tra, thanh tra đối với doanh nghiệp phải kiểm tra các điều kiện được hưởng ưu đãi thuế, số thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn thuế, giảm thuế, số lỗ được trừ vào thu nhập chịu thuế theo đúng điều kiện thực tế mà doanh nghiệp đáp ứng được. Trường hợp doanh nghiệp không đảm bảo các điều kiện để áp dụng thuế suất ưu đãi và thời gian miễn thuế, giảm thuế thì cơ quan thuế xử lý truy thu thuế và xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo quy định.”

Căn cứ Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ quy định về phát triển công nghiệp hỗ trợ.

- Tại Điều 11 quy định về đối tượng và thủ tục xác nhận ưu đãi:

“1. Đối tượng ưu đãi:

Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển: Bao gồm dự án đầu tư mới, dự án mở rộng và đổi mới công nghệ có ứng dụng thiết bị mới, quy trình sản xuất mới, sản xuất sản phẩm với năng lực sản xuất tăng ít nhất 20%...”

- Tại điểm a khoản 1 Điều 12 quy định chính sách ưu đãi đối với Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển:

“1. Ưu đãi chung:

a) Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Được áp dụng ưu đãi thuế theo quy định của Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế...”

Căn cứ Điều 4 Thông tư số 21/2016/TT-BTC ngày 05/2/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về khai thuế GTGT và ưu đãi thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ hướng dẫn về ưu đãi thuế TNDN:

“Điều 4. Ưu đãi thuế TNDN

Ưu đãi thuế TNDN được áp dụng đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ từ ngày 01/01/2015 đáp ứng các Điều kiện quy định tại Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành, được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ (gọi tắt là Giấy xác nhận ưu đãi).

Trình tự, thủ tục xác nhận ưu đãi và hậu kiểm ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh Mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2015/TT-BCT ngày 30/12/2015 của Bộ Công thương.

Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển là cơ sở để áp dụng ưu đãi thuế TNDN, về mức ưu đãi, thời Điểm bắt đầu áp dụng ưu đãi, việc chuyển tiếp ưu đãi thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế TNDN...”

Căn cứ Nghị định số 57/2021/NĐ-CP ngày 04/6/2021 của Chính phủ quy về ưu đãi thuế TNDN đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ:

- Tại Điều 1 bổ sung điểm g khoản 2 Điều 20 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP) về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ như sau:

“g) Doanh nghiệp có dự án đầu tư (đầu tư mới và đầu tư mở rộng) sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển, thực hiện trước ngày 01/01/2015, đáp ứng các điều kiện của dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ theo quy định tại Luật số 71/2014/QH13 và được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thì được hưởng ưu đãi về thuế TNDN như sau:

g1) Trường hợp doanh nghiệp có dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ mà thu nhập từ dự án này chưa được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp thì được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo điều kiện dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ kể từ kỳ tính thuế được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

g2) Trường hợp doanh nghiệp có dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ mà thu nhập từ dự án này đã hưởng hết ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo điều kiện ưu đãi khác (ngoài điều kiện ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ) thì được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo điều kiện dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

g3) Trường hợp doanh nghiệp có dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ mà thu nhập từ dự án này đang được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo điều kiện ưu đãi khác (ngoài điều kiện ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ) thì được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo điều kiện dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

g4) Cách xác định thời gian ưu đãi còn lại nêu tại điểm g2 và g3 điểm này:

Thời gian ưu đãi còn lại được xác định bằng thời gian ưu đãi thuế TNDN theo điều kiện dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ trừ đi số năm miễn thuế, số năm giảm thuế, số năm hưởng thuế suất ưu đãi đã được hưởng ưu đãi theo điều kiện ưu đãi khác, cụ thể như sau:

- Thời gian miễn thuế còn lại bằng thời gian miễn thuế theo điều kiện dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ trừ đi thời gian miễn thuế đã hưởng ưu đãi theo điều kiện ưu đãi khác;

- Thời gian giảm thuế còn lại bằng thời gian giảm thuế theo điều kiện dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ trừ đi thời gian giảm thuế đã hưởng ưu đãi theo điều kiện ưu đãi khác;

- Thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi còn lại bằng thời gian ưu đãi thuế suất theo điều kiện dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ trừ đi thời gian ưu đãi thuế suất đã hưởng theo điều kiện ưu đãi khác (nếu có).

... ”

- Tại khoản 2 Điều 2 quy định tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành:

“2. Trường hợp thực hiện theo quy định tại Nghị định này (kể cả trường hợp cơ quan có thẩm quyền đã thực hiện thanh tra, kiểm tra) dẫn đến giảm số thuế thu nhập doanh nghiệp, tiền chậm nộp (nếu có) thì người nộp thuế có văn bản đề nghị gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp điều chỉnh giảm số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đã thực hiện kê khai hoặc đã được cơ quan có thẩm quyền thực hiện thanh tra, kiểm tra và tiền chậm nộp tương ứng (nếu có). Sau khi điều chỉnh giảm mà có số tiền thuế, tiền chậm nộp nộp thừa thì thực hiện theo quy định tại Điều 60 Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành.”

Căn cứ các quy định, hướng dẫn nêu trên và nội dung công văn hỏi của Công ty, trường hợp Công ty có dự án đầu tư (đầu tư mới và đầu tư mở rộng) sản xuất sản phẩm “*Bộ tích điện (Pin) (mã HS 85076090)*” đã được Bộ Công thương cấp Giấy xác nhận ưu đãi số 8573/GXN-BCT ngày 01/12/2023 cho danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển (Ngành sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho công nghiệp công nghệ cao) quy định tại Nghị định số 111/2015/NĐ-CP của Chính phủ mà thu nhập từ dự án này đang được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo điều kiện ưu đãi khác (ngoài điều kiện ưu đãi với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ). Nếu dự án đáp ứng các điều kiện của dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ theo quy định tại Luật số 71/2014/QH13 thì được hưởng ưu đãi về thuế TNDN theo điều kiện dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho thời gian còn lại, thời gian ưu đãi còn lại được xác định theo nguyên tắc sau:

1. Về thuế suất ưu đãi

- Đối với thu nhập từ dự án đầu tư mới sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm.

Số năm được hưởng thuế suất ưu đãi còn lại bằng số năm hưởng ưu đãi thuế suất theo điều kiện sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ trừ đi số năm đã hưởng ưu đãi thuế suất theo điều kiện khác (nếu công ty chưa hưởng ưu đãi thuế suất theo điều kiện khác thì số năm đã hưởng ưu đãi thuế suất được xác định bằng 0).

- Đối với thu nhập từ dự án đầu tư mở rộng sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ không được áp dụng thuế suất ưu đãi.

2. Về thời gian miễn thuế, giảm thuế

Thời gian miễn thuế, giảm thuế được xác định theo từng dự án (dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng), mức ưu đãi: miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 09 năm tiếp theo đối với thu nhập từ sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

Thời gian miễn thuế/giảm thuế còn lại bằng thời gian miễn thuế/giảm thuế theo điều kiện dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ trừ đi thời gian miễn thuế/giảm thuế đã hưởng ưu đãi theo điều kiện ưu đãi khác của từng dự án (dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng). Cách xác định thời gian ưu đãi thuế TNDN còn lại đối dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ được quy định tại điểm g4 Điều 1 Nghị định số 57/2021/NĐ-CP ngày 04/6/2021 của Chính phủ.

Công ty căn cứ quy định tại Luật số 71/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành, giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ do Bộ Công thương cấp, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, sổ sách kế toán của Công ty để xác định sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển được hưởng ưu đãi thuế để kê khai và quyết toán thuế TNDN với cơ quan thuế.

Đối với phần thu nhập tăng thêm đang được hưởng ưu đãi theo dự án đầu tư mở rộng (không được hưởng ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ) của công ty thì tiếp tục được hưởng ưu đãi miễn thuế, giảm thuế cho thời gian còn lại.

Trong thời gian đang được hưởng ưu đãi thuế TNDN nếu Công ty thực hiện nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh thì Công ty phải xác định riêng thu nhập từ các dự án được hưởng các ưu đãi thuế TNDN khác nhau (bao gồm mức thuế suất ưu đãi, mức miễn thuế, giảm thuế) để kê khai nộp thuế riêng.

Công ty tự xác định điều kiện ưu đãi đầu tư, tự áp dụng mức thuế suất ưu đãi và thời gian ưu đãi thuế khi lập báo cáo quyết toán thuế TNDN theo quy định.

Cục Thuế tỉnh Bắc Giang trả lời để Công ty được biết và thực hiện, quá trình thực hiện còn vướng mắc đề nghị Chi nhánh liên hệ với Cục Thuế tỉnh Bắc Giang (*qua Phòng Tuyên truyền - Hỗ trợ người nộp thuế, số máy điện thoại 02043857284*) để được hỗ trợ ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục;
- Các phòng: NVDTPC, TTKT3;
- Website Cục Thuế;
- Lưu: VT, TTHT.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Văn Hùng